**Nghiên cứu vai trò của các chỉ số thành phần PCI (chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh) đối với tăng trưởng kinh tế bằng tiếp cận phân tích Importance-Performance Matrix**

Đoàn Hồ Đan Tâm, Nguyễn Lê Hoàng Thụy Tố Quyên, …

Abstract

 Thể chế là một trong những chủ đề trong lý thuyết tăng trưởng hiện đại. Trên phương diện thực nghiệm, thể chế sẽ được xem xét, đo lường bằng các chỉ tiêu, các khía cạnh cụ thể. Một trong những tiếp cận gần đây là xem xét tác động của quản trị kinh tế đến tăng trưởng, mà PCI là một hệ thống các chỉ số để đo lường khía cạnh này tại Việt Nam. Bài nghiên cứu này sử dụng bộ dữ liệu PCI của Việt Nam trong giai đoạn 2017-2020, với phương pháp EFA, PLS-SEM, và IPM để xem xét tác động của các chỉ số thành phần chi tiết đến tăng trưởng kinh tế. Kết quả xác định 5 yếu tố có tác động đến tăng trưởng. Quan trọng hơn, có sự khác biệt giữa tầm quan trọng và thực trạng hiện nay về các yếu tố này. Kết quả cho thấy yếu tố Luật pháp và Quy định có tầm quan trọng cao nhất, nhưng hiện đang có mức thực hiện trung bình, trong khi đó yếu tố Tính năng động của chính quyền địa phương hiện đang có mức thực hiện cao, trong khi đây không phải là yếu tố quan trọng nhất. Các kết quả này có những hàm ý đáng tham khảo cho các địa phương trong chiến lược cải thiện PCI của mình.

*Keywords*: PCI, Quản trị kinh tế, Tăng trưởng, IPM

# Mở đầu

Bước sang thế kỷ 21, xu thế hội nhập và cạnh tranh của nền kinh tế toàn cầu ngày càng gia tăng. Trong bối cảnh đó, năng lực cạnh tranh kinh tế vĩ mô, cụ thể là môi trường kinh doanh, một trong các yếu tố của lý thuyết cạnh tranh trở thành vấn đề thời sự. Các khảo sát về môi trường kinh doanh của quốc gia trở nên phổ biến và là cơ sở để đánh giá, so sánh triển vọng tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia. Cách tiếp cận quản trị kinh tế (economic governance) là cách tiếp cận chủ đạo, góp phần tạo nên chỉ số năng lực cạnh tranh. Cách tiếp cận này nhấn mạnh mức độ phân quyền của từng địa phương, là cơ sở cho các hoạt động tiếp theo nhằm thúc đẩy việc cải cách môi trường đầu tư nhằm hướng đến mục tiêu tăng trưởng kinh tế địa phương. Tại Việt Nam, PCI được thí điểm lần đầu vào năm 2005, đến nay có 10 chỉ số thành phần. Dựa trên bộ số liệu này, các nghiên cứu về năng lực cấp tỉnh đã được thực hiện, đơn cử như Thanh (2011), Linh & Xuân (2017), Thuy, Huong, & Cuong (2019)

Nhìn chung, các nghiên cứu liên quan đến vấn đề năng lực cạnh tranh tập trung tương đối nhiều vào việc phân tích thực trạng năng lực cạnh tranh chung của cả nước hoặc năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của các địa phương thông qua chỉ số năng lực cạnh tranh được công bố, tìm hiểu vai trò của lực cạnh tranh nhưng chưa có nhiều nghiên cứu tìm hiểu vai trò của từng chỉ số thành phần PCI đối với thành tựu kinh tế của địa phương, tập trung vào tầm quan trọng và hiệu quả của từng chỉ số thành phần và tìm hiểu nội tại nguyên nhân tại sao năng lực cạnh tranh của địa phương lại có những đánh giá khác nhau. Vì thế, bài nghiên cứu này nhằm phân tích vai trò tác động của các chỉ số thành phần đến tăng trưởng kinh tế thông qua bằng cách sử dụng phương pháp PLS-SEM và ma trận Tầm quan trọng-Thực hiện (Importance-Performance Matrix).

# Cơ sở lý thuyết

## Vai trò của quản trị kinh tế đối với tăng trưởng

Theo Perkin và các cộng sự (2006), mặc dù mối quan tâm về vấn đề tăng trưởng đã có từ lâu và mặc dù đã có nhiều nỗ lực tìm hiểu cũng như nghiên cứu, người ta vẫn chưa hiểu thấu đáo các yếu tố có tác động đến tăng trưởng kinh tế. Xét tổng quát, quá trình tăng trưởng sẽ phụ thuộc vào hai thành tố: sự tích tụ của các yếu tố sản xuất (vốn, lao động, đất dai) và việc sử dụng hiệu quả hơn các yếu tố sản xuất. Nhìn chung, các lý thuyết về tăng trưởng kinh tế có thể phân thành hai nhóm: các lý thuyết cổ điển và lý thuyết hiện đại hay lý thuyết mới. Đặc điểm chung của các lý thuyết cổ điển là lý giải nguồn gốc của tăng trưởng kinh tế dựa vào tích tụ nhân tố sản xuất trong khi đó các lý thuyết hiện đại tập trung hơn vào việc sử dụng hiệu quả hơn các nhân tố sản xuất (tr 90).

Đặc biệt, một trong những khía cạnh cảu các tiếp cận hiện đại đối với tăng trưởng kinh tế là việc chú trọng vào các khía cạnh thể chế. Tiếp cận này được cụ thể hóa bằng cách tập trung vào phạm vi cụ thể của các yếu tố thể chế là quản trị công hoặc quản trị kinh tế (Mira và Hamadache 2017a, 2017b; Al-Naser 2019). Theo nghĩa chung, khái niệm Quản trị tốt (good governance) được World Bank đưa ra (World Bank 1992, 1994), theo đó quản trị là một cách thức mà quyền lực được sử dụng để quản lý các nguồn lực xã hội và kinh tể nhằm phục vụ cho phát triển.Các thành tố chính của quản trị thường bao gồm sự ổn định chính trị, áp dụng luật pháp (rule of law), kiểm soát tham nhũng, trách nhiệm giải trình, minh bạch và công bố thông tin, quản lý khu vực công (public sector management). Các yếu tố khác có thể được thêm vào và các thành tố nói trên có thể được chi tiết hóa tùy vào bối cảnh nghiên cứu và áp dụng cụ thể (Kaufman và các cộng sự 1999, Nanda 2006). Quản trị tốt là hệ thống quản trị “… được thể hiện bằng việc hoạch định chính sách có thể dự đoán được, cởi mở và sáng suốt; một bộ máy quan liêu thấm nhuần đặc tính nghề nghiệp; một cơ quan hành pháp của chính phủ chịu trách nhiệm về các hành động của mình; và một xã hội dân sự mạnh mẽ tham gia vào các hoạt động công ích; và tất cả đều hành xử theo pháp quyền” (World Bank 1994, tr 12). Một môi trường quản trị tốt sẽ thúc đẩy tăng trưởng thông qua việc tăng cường hiệu quả của các nguồn lực sẵn có, đồng thời có cũng tác động đến việc mở rộng nguồn lực thông qua hiệu ứng “thúc đẩy thị trường” (market enhancing) (Mira và Hamadache 2017a, 2017b; Kraipornsak 2018). Như vậy, đóng góp của yếu tố quản trị cũng dựa trên thông qua các kênh tác động trên nền tảng của các lý thuyết về tăng trưởng kinh tế.

Về mặt thực nghiệm nhiều công trình nghiên cứu đã cho thấy vai trò của yếu tố thể chế và quản trị công đối với tăng trưởng kinh tế, ví dụ Boldeanu và Constantinescu (2015), Chirwa và Odhiambo (2016), Stoica và các cộng sự (2020). Các kết quả nhìn chung cho thấy nhóm các nhân tố thúc đẩy tăng trưởng là đầu tư, vốn con người (giáo dục), các yếu tố thể chế, và độ mở của nền kinh tế. Vai trò của chi tiêu công không nhất quán trong các nghiên cứu thực nghiệm và tùy thuộc và dạng chi tiêu. Các nghiên cứu cũng chỉ ra vai trò của tinh thần doanh nhân (entrepreneuship) và năng lực quản lý vĩ mô của chính phủ. Đặc biệt, vai trò của các yếu tố thể chế và quản trị kinh tế cũng được ủng hộ trong thực nghiệm trong nhiều nghiên cứu và khảo lược đơn cử như Kraipornsak (2018), Islam và McGillivray (2020).

Để đánh giá và đo lường vai trò của các khía cạnh quản trị kinh tế, nhiều quốc gia đã phát triển các bộ chỉ số đo lường khác nhau Bland & Vaz (2017). Tuy có tên gọi khác nhau, các bộ chỉ số này về bản chất là nhằm mục tiêu đo lường, đánh giá các góc độ của yếu tố thể chế, quản trị nhằm tạo lập một môi trường kinh doanh thúc đẩy tăng trưởng. Vai trò của PCI đối với tăng trưởng về bản chất có thể được lý giải từ lý thuyết tăng trưởng hiện đại trong góc độ thể chế như đã nêu trên, vì PCI về bản chất là hệ thống các chỉ số đo lường các góc độ khác nhau của năng lực quản lý kinh tế của địa phương.

## Tác động của PCI đến tăng trưởng kinh tế

Về các nghiên cứu thực nghiệm trên thế giới, trước hết, do các bộ chỉ số tương tự như PCI hầu hết đã ngừng, ngoại trừ các trường hợp là El Salvador, Phillipines, và Việt Nam (Bland & Vaz 2017), các nghiên cứu về tăng trưởng sử dụng các bộ chỉ số này khá ít. Tuy vậy vẫn có thể tìm thấy một số nghiên cứu ít nhiều có liên quan. Villamejor-Mendoza (2020) sử dụng chỉ số CMCI của Phillipins (chỉ số cạnh tranh địa phương của Phillipins, tương tự như PCI của Việt Nam) và xem xét mối tương quan với chỉ số phát triển con người. Kết quả cho thấy chỉ số cạnh tranh có tương quan thuận chiều với chỉ số phát triển con người. Như các lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm về tăng trưởng kinh tế cho thấy, vốn con người là một yếu tố thúc đẩy tăng trưởng. Do vậy kết quả trên có thể gợi ý một mối liên hệ gián tiếp giữa năng lực cạnh tranh địa phương và tăng trưởng kinh tế. Tương tự Aquino (2019) xem xét tác động của các chỉ số thành phần trong chỉ số CMCI của Phillipins năm 2018 và tìm thấy vai trò của yếu tố thành phần Chính phủ hiệu quả trong việc quyết định lựa chọn địa điểm đặt doanh nghiệp. Kết quả này cũng gián tiếp gợi ý về vai trò của năng lực cạnh tranh đối với tăng trưởng.

 Tại Việt Nam, bộ chỉ số được xây dựng đầu tiên vào năm 2005 với tên gọi là Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Tỉnh (Provincial Competitiveness Index-PCI). Cho đến nay, bộ chỉ số này đã được duy trì và cải tiến nhiều lần và vẫn đang được tiếp tục thực hiện hàng năm. Nhờ vậy, đối với trường hợp Việt Nam, nhiều công trình đã sử dụng bộ dữ liệu này trong các nghiên cứu ở các lĩnh vực khác nhau, trong đó có các nghiên cứu liên quan đến vai trò của quản trị công đến tăng trưởng kinh tế. Lien (2017) đã đã áp dụng kiểm định Granger trên bộ dữ liệu bảng của 60 tỉnh thành tại Việt Nam từ năm 2006 đến năm 2014 và kết quả nghiên cứu cho thấy chỉ số năng lực cạnh tranh có tác động tích cực, có ý nghĩa thống kê, đến tăng trưởng kinh tế.

Một loạt các công trình khác gần đây đã tập trung vào xem xét yếu tố quản trị kinh tế đến tăng trưởng kinh tế địa phương thông qua việc sử dụng bộ chỉ số PCI với các phân tích chi tiết và sử dụng kỹ thuật hiện đại. Trước hết phải nhắc đến cụm công trình của Thành, Hart và Cảnh (2020), Thành và Cảnh (2020), Thành và Hoài (2020).

Công trình Thành, Hart và Cảnh (2020) sử dụng tiếp cận hàm sản xuất, trong đó quản trị địa phương là một nhân tố trong hàm sản xuất và được đo bằng PCI ranking. Thời gian nghiên cứu là giai đoạn 2006-2015 cho 62 tỉnh thành phố (Không có Đắc Nông do dữ liệu cho tỉnh này không đầy đủ). Kết quả cho thấy PCI ranking có tác động đến tăng trưởng theo chiều hướng các địa phương thuộc nhóm ranking thấp có tăng trưởng thấp hơn, các địa phương thuộc nhóm tăng trưởng cao sẽ có tăng trưởng cao. Công trình cũng xem xét thêm các khía cạnh chi tiết của quản trị công bằng cách sử dụng lần lượt ba chỉ số thành phần chi tiết là Chi phí không chính thức, Tính minh bạch, và Sự thiên lệch trong chính sách, Kết quả cho thấy các thành phần này đều có tác động đến tăng trưởng kinh tế, trong đó Tính minh bạch giúp thúc đẩy tăng trưởng trong khi Chi phí không chính thức và Sự thiên lệch trong chính sách đều có tác động làm giảm tăng trưởng. Hơn thế nữa, công trình cũng tìm thấy hiệu ứng điều tiết của các yếu tố này đến hiệu quả của chi tiêu chính phủ và đầu tư tư nhân. Kết quả cho thấy Tính minh bạch gia tăng hiệu quả của chi tiêu chính phủ và của đầu tư tư nhân, trong khi Chi phí không chính thức và Sự thiên lệch trong chính sách làm giảm tác động tích của chi tiêu chính phủ và đầu tư tư nhân đến tăng trưởng.

Thành và Cảnh (2020) cũng tìm thấy kết quả tương tự cho vai trò của quản trị địa phương bằng cách sử dụng giá trị của chỉ số PCI tổng hợp với cùng thời gian nghiên cứu 2006-2015 (Nghiên cứu này không sử dụng chỉ số thành phần). Kết quả cũng cho thấy tác động thuận chiều của PCI đến tăng trưởng kinh tế địa phương. Mặc khác, PCI cũng có tác động điều tiết và giúp gia tăng hiệu quả của việc phi tập trung hóa tài chính công đến tăng trưởng kinh tế cho nhóm có năng lực quản trị địa phương cao (PCI trên trung bình) nhưng tác động điều tiết này không tồn tại đối với nhóm có năng lực quản trị địa phương thấp (PCI thấp hơn trung bình). Trong khi đó Thành và Hoài (2020) sử dụng số liệu cho giai đoạn 2005-2013 cho 63 tỉnh thành với năng lực quản trị địa phương cũng được đo bằng PCI tổng hợp và ngoài ra còn sử dụng thêm lần lượng các chỉ số thành phần của PCI. Kết quả cho thấy xét chung chỉ số PCI có tác động thuận chiều đến tăng trưởng kinh tế địa phương. Năng lực quản trị địa phương (PCI) cũng có tác động điều tiết thúc đẩy hiệu quả của đầu tư tư nhân nội địa. Đối với các chỉ số thành phần, các tác động khá đa dạng cả về chiều hướng tác động lẫn yếu tố có tác động tùy thuộc vào mô hình được ước lượng.

Như vậy, nếu xét chung, tác động của PCI đến tăng trưởng là có cơ sở lý thuyết lẫn thực nghiệm. Các nghiên cứu trước cũng đã phần nào chỉ ra tác động của các chỉ số thành phần đến tăng trưởng là có thể khác nhau. Trên cơ sở đó, bài nghiên cứu khai thác một khía cạnh khác là sử dụng phương pháp ma trận Tầm quan trọng-Thực hiện (thực trạng) để từ đó gợi ý mức độ ưu tiên cần phải tập trung cải thiện của các chỉ số thành phần.

# Phương pháp nghiên cứu

## Mô tả dữ liệu

Như đã nêu, PCI được thí điểm lần đầu vào năm 2005 và chỉ xây dựng cho 42 tỉnh thành. Trong giai đoạn 2006-2008, bộ chỉ số được xây dựng cho toàn bộ 64 tỉnh thành lúc bấy giờ, bao gồm 63 tỉnh thành hiện nay và Hà Tây (trước khi nhập vào Hà Nội). Từ năm 2009 đến nay, bộ chỉ số được xây dựng cho 63 tỉnh thành.

Chỉ số PCI chung của một địa phương được xây dựng dựa trên các chỉ số thành phần và có tính trọng số. Mỗi chỉ số thành phần bao gồm một số chỉ số chi tiết phản ảnh các khía cạnh khác nhau trong chỉ số thành phần. Bộ chỉ số này đã trải qua hai lần điều chỉnh về phương pháp vào các năm 2013 và 2017. Hiện nay, phiên bản mới nhất đang sử dụng có đến nay có 10 chỉ số thành phần và 128 chỉ số chi tiết. Cần lưu ý là số lượng chỉ số chi tiết là không bằng nhau cho mỗi chỉ số thành phần, thông thường một chỉ số thành phần có khoảng 10 chỉ số chi tiết, tuy nhiên cá biệt cũng có chỉ số thành phần có đến hơn 20 chỉ số chi tiết. Các chỉ số đều được chuẩn hóa trên thang [1,10] với 1 là năng lực quản lý tương ứng yếu nhất và 10 là tốt nhất.

Về phương pháp điều tra thu thập số liệu, bộ chỉ số PCI được xây dựng dựa trên kết hợp các dữ liệu cứng (hard data) tức các dữ liệu thứ cấp thu thập từ các nguồn thống kê chính thức và dữ liệu điều tra với đối tượng điều tra là doanh nghiệp, thông qua hình thức gởi thư. Các doanh nghiệp được chọn theo phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên phân tầng theo từng tỉnh với 11 tiêu chí và 45 nhóm tổ hợp.

 Do sự thay đổi trong phương pháp luận tại hai thời điểm 2013 và 2017, các số liệu được công bố không hoàn toàn tương thích. Vì thế, nghiên cứu này chỉ sử dụng dữ liệu của giai đoạn 2017-2020. Các dữ liệu của PCI được lấy từ trang web của chương trình này (tại <https://pcivietnam.vn/>).

## Phương pháp phân tích

 Dựa trên các khảo lược tài liệu trên đây, bài nghiên cứu đề xuất mô hình tác động của PCI bao gồm 5 yếu tố chính (tại sao lại là 5 mà không là 10 hay là con số khác? Vì sao không sử dụng các chỉ số thành phần khác? Các chỉ số sử dụng ở đây là các chỉ số thành phần được công bố, hay là được xây dựng lại? Vì sao không sử dụng lại chỉ số thành phần đã công bố mà lại xây dựng lại) là: Luật pháp và quy định (SLO -law and order), Chi phí Thời gian và Tuân thủ (STC -time costs and regulatory compliance), Sự năng động của chính quyền địa phương (SPA - Proactivity of provincial leadership), Chất lượng lao động (SLP -labor quality), Khả năng tiếp cận và sử dụng đất (SLA -land access and security of tenure). Mỗi yếu tố sẽ được đo lường bằng các chỉ số chi tiết khác nhau, như được mô tả trên đây. Mô hình nghiên cứu chung được thể hiện như hình dưới đây

Growth

PCI1.1

PCI1.n

PCIn.1

PCI5.n

 Hình 1. Mô hình nghiên cứu

 Mô hình trên được ước lượng bằng cách sử dụng phương pháp PLS SEM. Phương pháp này được thực hiện qua hai giai đoạn: Ước lượng mô hình đo lường và ước lượng mô hình cấu trúc. Một trong những hướng hiện đại của PLS SEM là xây dựng ma trận IPM. Ma trận này kết hợp tác động toàn thể (thể hiên tầm quan trọng) và khả năng thực hiện (performance) của các nhân tố ẩn (latent variable score). Chi tiết về phương pháp này có thể xem tại (Ringle & Sarstedt, 2016).

# Kết quả phân tích

Trước hết, độ tin cậy của các chỉ số chi tiết được kiểm tra bằng cách sử dụng Cronbach’s Alpha. Kết quả được thể hiện trong bảng sau (quan trọng: số lượng chỉ số chi tiết cho mỗi yếu tố có giống như trong thiết kế của PCI không hay ít hơn. Nếu ít hơn thì vì sau bỏ ra, có phải vì kiểm tra crobach không đạt nên bỏ ra? Hay bỏ ra chủ quan, nếu bỏ ra chủ quan thì dựa vào nguyên tắc nào?)

Bảng 1: Cronbach’s alpha.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **No.** | **Mô tả** | **Số lượng chỉ số** | **Cronbach’s alpha** |
| 1 | SLO (law and order) | 07 | 0.905 |
| 2 | STC (time costs and regulatory compliance) | 05 | 0.885 |
| 3 | SPA (proactivity of provincial leadership) | 04 | 0.845 |
| 4 | SLP (labor quality) | 03 | 0.789 |
| 5 | SLA (land access and security of tenure) | 02 | 0.759 |

 Kết quả cho thấy tất cả các yếu tố đều đạt ngưỡng trên 0.7, do đó có độ tin cậy cần thiết. Kết quả kiểm định KMO đạt 0.877 và tổng phương sai trích đạt 71.875 cho thấy kết quả EFA nói trên là đạt yêu cầu để sử dụng trong bước phân tích tiếp theo bằng PLS-SEM.

 Bảng 2 và hình 2 dưới đây tóm tắt kết quả phân tích PLS-SEM của mô hình nghiên cứu. Kết quả xác nhận vai trò của các chỉ số thành phần đến PCI, và thông qua đó có tác động thúc đẩy tăng trưởng. Kết quả này là tương đồng với các kết quả của các nghiên cứu trước (Thành, Hart & Cảnh, 2021; Thành & Cảnh, 2020; Thành & Hoài, 2020). Như vậy, một lần nữa việc phân tích dữ liệu thông qua phương pháp PLS-SEM đã củng cố thêm về mặt thực nghiệm vai trò của PCI nói chung và vai trò của các yếu tố thành phần nói riêng đối với tăng trưởng.

Bảng 2: Tác động tổng hợp.

|  | **Coefficient** | **P Values** | **Confidence interval** |
| --- | --- | --- | --- |
| **2.5%** | **97.5%** |
| PCI -> LnRealGDP | 0.203 | 0.016 | 0.044 | 0.357 |
| SLA -> LnRealGDP | 0.013 | 0.104 | 0.002 | 0.032 |
| SLA -> PCI | 0.066 | 0.001 | 0.030 | 0.100 |
| SLO -> LnRealGDP | 0.092 | 0.012 | 0.021 | 0.156 |
| SLO -> PCI | 0.451 | 0.000 | 0.398 | 0.502 |
| SLP -> LnRealGDP | 0.040 | 0.026 | 0.007 | 0.073 |
| SLP -> PCI | 0.195 | 0.000 | 0.159 | 0.223 |
| SPA -> LnRealGDP | 0.054 | 0.019 | 0.011 | 0.097 |
| SPA -> PCI | 0.267 | 0.000 | 0.236 | 0.295 |
| STC -> LnRealGDP | 0.067 | 0.009 | 0.015 | 0.110 |
| STC -> PCI | 0.327 | 0.000 | 0.276 | 0.365 |



Hình 2. Vai trò của các chỉ số thành phần và PCI đối với tăng trưởng

Tuy nhiên để có thể tìm hiểu sâu hơn và đối sánh giữa tầm quan trọng của các yếu tố so với tình trạng thực hiện của các yếu tố đó hiện nay, kỹ thuật phân tích IPM được sử dụng. Kết quả được thể hiện trong hình 3 dưới đây. Lưu ý trong hình trục hoành thể hiện tầm quan trọng (importance), trong khi trục tung thể hiện tình trạng thực hiện hiện nay (performance). Kết quả cho thấy nhìn chung tình trạng thực hiện của các yếu tố không có nhiều khác biệt, ngoại trừ yếu tố SLA (Sự năng động của chính quyền địa phương) có tình trạng thực hiện nổi bật hơn các yếu tố khác. Tuy nhiên, xét về tầm quan trọng, có thể thấy vai trò của các yếu tố là khác nhau. Yếu tố SLA mặc dù đang thực hiện tốt, lại không phải là yếu tố có tầm quan trọng cao nhất. Ngược lại, yếu tố Luật pháp và quy định có tầm quan trọng cao nhất nhưng có mức thực hiện trung bình. Các yếu tố khác cũng có mức thực hiện trung bình trong khi vai có vai trò tương đối quan trọng đối với tăng trưởng.



# Kết luận

 Nghiên cứu này đóng góp trên phương diện lý thuyết và thực tiễn ở các khía cạnh sau. Thứ nhất, thay vì sử dụng PCI nguyên gốc, PCI đã được rút gọn xuống còn các chỉ số thành phần chính, với các chỉ số chi tiết chính (xem lại lập luận này, đây có thể là đóng góp, nhưng cũng có thể là một vấn đề gây tranh cãi, và có thể làm cho kết luận trở thành không đáng thuyết phục, không đáng tin cậy, hoặc ít nhất chỉ số PCI và các chỉ số thành phần ở đây không phải là PCI và các chỉ số thành phần được công bố và được sử dụng ở các nghiên cứu khác, do đó kết quả là khó so sánh được). Thứ hai, nghiên cứu đã một lần nữa xác định và chỉ ra các thành tựu và đóng góp của yếu tố quản trị kinh tế mà các địa phương đã đạt được đến tăng trưởng kinh tế của địa phương. Thứ ba, nghiên cứu sử dụng một tiếp cận tương đối mới trong phương pháp PLS-SEM là sử dụng ma trận Tầm quan trọng-Thực hiện trong xem xét vấn đề vai trò của PCI, từ đây giúp đưa ra các gợi ý về mức độ ưu tiên trong việc cải thiện PCI.

Kết quả cho thấy yếu tố Luật pháp và Quy định có tầm quan trọng cao nhất, nhưng hiện đang có mức thực hiện trung bình, trong khi đó yếu tố Tính năng động của chính quyền địa phương hiện đang có mức thực hiện cao, trong khi đây không phải là yếu tố quan trọng nhất. Các kết quả này có những hàm ý đáng tham khảo cho các địa phương trong chiến lược cải thiện PCI của mình.

# Tài liệu tham khảo

Al-Naser, M. H. (2019). Public governance and economic growth: conceptual framework. *International Journal of Business Ethics and Governance*, *2*(2), 1-15.

Doan, T., Tran, T. Q., & Nguyen, H. (2018). Provincial Competitiveness And Labour Market Returns In Vietnam. *Hitotsubashi Journal of Economics*.

Linh, H. X., & Xuân, T. T. (2017). Đánh giá năng lực cạnh tranh cấp tỉnh dưới góc nhìn doanh nghiệp. *Tài chính* .

Thanh, P. N. (2011). *Nghiên cứu nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI của tỉnh Hải Dương.* Đại học Kinh tế Quốc dân.

Perkins, D. H., Radelet, S. C., Lindauer, D. L., & Block, S. A. (2006). *Economics of Development*. New York: WW Norton & Company.

World Bank. (1992). *Governance and development*. The World Bank.

World Bank. (1994). *Governance: the World Bank's experience*. The World Bank.

Mira, R., & Hammadache, A. (2017a). Relationship Between Good Governance and Economic Growth. A Contribution to the Institutional Debate About State Failure in Developing Countries. *A Contribution to the Institutional Debate About State Failure in Developing Countries.(April 1, 2017). CEPN Centre d’économie de l’Université Paris Nord CNRS UMR*, (7234).

Mira, R., & Hammadache, A. (2017b). Good governance and economic growth: A contribution to the institutional debate about state failure in Middle East and North Africa. *Asian Journal of Middle Eastern and Islamic Studies*, *11*(3), 107-120.

Kaufmann, D., Kraay, A., & Zoido-Lobaton, P. (1999). *Governance matters*. The World Bank.

Kraipornsak, P. (2018). Good governance and economic growth: An investigation of Thailand and selected Asian countries. *Eurasian Journal of Economics and Finance*, *6*(1), 93-106.

Nanda, V. P. (2006). The “Good Governance” Concept Revisited. *The Annals of the American Academy of Political and Social Science*, *603*, 269–283.

Boldeanu, F. T., & Constantinescu, L. (2015). The main determinants affecting economic growth. *Bulletin of the Transilvania University of Brasov. Economic Sciences. Series V*, *8*(2), 329.

Chirwa, T. G., & Odhiambo, N. M. (2016). Macroeconomic determinants of economic growth: A review of international literature. *The South East European Journal of Economics and Business*, *11*(2).

Stoica, O., Roman, A., & Rusu, V. D. (2020). The Nexus between Entrepreneurship and Economic Growth: A Comparative Analysis on Groups of Countries. *Sustainability*, *12*(3), 1186.

 Islam, M. R., & McGillivray, M. (2020). Wealth inequality, governance and economic growth. *Economic Modelling*, *88*, 1-13.

Bland, G., & Vaz, P. (2017). *An Effective Tool for Promoting Local Growth and Competitiveness? The Sustainability of the Subnational Business Environment Index.* RTI Press.

Villamejor-Mendoza, M. F. (2020). Competitive cities: implications for better public service. *Policy Design and Practice*, *3*(4), 445-461.

Aquino, M. G. (2019). A Cross-Sectional Analysis of the Importance of Government Efficiency in Firm Location Decisions of New Businesses in Philippine Cities in 2018. *Asian Journal of International Studies (AJIS)*, *24*, 1-31.

Thanh, S. D., & Canh, N. P. (2020). Fiscal decentralization and economic growth of Vietnamese provinces: The role of local public governance. *Annals of Public and Cooperative Economics*, *91*(1), 119-149.

Thanh, S. D., & Hoai, B. T. M. (2020). Local governance, private investment and economic growth: The case of Vietnamese provinces. *Journal of Economic Development*, *24*(4), 04-28.

Thanh, S. D., Hart, N., & Canh, N. P. (2020). Public spending, public governance and economic growth at the Vietnamese provincial level: A disaggregate analysis. *Economic Systems*, *44*(4), 100780.

Ringle, C. M., & Sarstedt, M. (2016). Gain more insight from your PLS-SEM results: The importance-performance map analysis. *Industrial management & data systems*.